

Số: /2026/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn việc tổ chức thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động ở
khu vực nông thôn, người lao động là thanh niên**

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Luật Việc làm số 74/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm;

Căn cứ Nghị định số 279/2026/NĐ-CP ngày 12 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư hướng dẫn việc tổ chức thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn, người lao động là thanh niên.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn việc tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng đối với người lao động ở khu vực nông thôn, người lao động là thanh niên quy định tại Chương V Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm (sau đây gọi là Nghị định số 338/2025/NĐ-CP).

2. Nội dung, mức chi hỗ trợ, điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục hỗ trợ đào tạo nghề thực hiện theo quy định tại Nghị định số 338/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người lao động ở khu vực nông thôn, người lao động là thanh niên thuộc đối tượng được hỗ trợ đào tạo nghề theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Việc làm số 74/2025/QH15 và Chương V Nghị định số 338/2025/NĐ-CP.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh, thành phố (sau đây gọi chung là Sở Giáo dục và Đào tạo).

3. Cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp và cơ sở khác tham gia đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi chung là cơ sở đào tạo).

4. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã và cá nhân khác có liên quan đến việc tổ chức thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề theo quy định tại Nghị định số 338/2025/NĐ-CP.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Người lao động ở khu vực nông thôn là công dân Việt Nam có nhu cầu làm việc, học nghề đang sinh sống, lao động tại các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh, thành phố.

2. Người lao động là thanh niên được hiểu thanh niên tình nguyện được cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp công nhận hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội; trí thức trẻ được công nhận hoàn thành nhiệm vụ công tác tại khu kinh tế - quốc phòng.

Điều 4. Trình tự, thủ tục hỗ trợ đào tạo nghề

Trình tự, thủ tục và hồ sơ hỗ trợ đào tạo nghề thực hiện theo quy định tại Điều 28 của Nghị định số 338/2025/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ, ngành liên quan nếu có về việc công bố thủ tục hành chính theo Nghị định số 338/2025/NĐ-CP.

Chương II

HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC THỰC HIỆN HỖ TRỢ ĐÀO TẠO NGHỀ

Điều 5. Chương trình đào tạo, cơ sở đào tạo và tổ chức đào tạo

1. Việc đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho người lao động thực hiện theo chương trình đào tạo do cơ sở đào tạo tự chủ tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo; nội dung, thời gian, khối lượng kiến thức, kỹ năng và chuẩn đầu ra phù hợp với ngành, nghề, gắn với vị trí việc làm và nhu cầu sử dụng lao động tại địa phương.

2. Chương trình đào tạo trình độ sơ cấp và chương trình đào tạo nghề khác là chương trình cấp chứng chỉ, không thuộc đối tượng cấp phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Cơ sở đào tạo tham gia thực hiện chính sách phải đăng ký thông tin về chương trình đào tạo vào cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp trước khi tuyển sinh, tổ chức đào tạo; tự chủ và tự chịu trách nhiệm bảo

đảm các điều kiện về chương trình đào tạo, nhà giáo, cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp.

3. Nhà giáo giảng dạy các chương trình quy định tại Thông tư này đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Người dạy nghề tại doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia đào tạo bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh, thành phố chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan tổ chức thực hiện khảo sát nhu cầu hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động khu vực nông thôn, người lao động là thanh niên, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt ngành, nghề hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng.

Hàng năm, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức khảo sát nhu cầu học nghề của người lao động; căn cứ quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu của thị trường lao động tại địa phương, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt sửa đổi, bổ sung ngành, nghề hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng nếu thấy cần thiết. Ưu tiên các ngành, nghề gắn với việc giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn và định hướng phát triển sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

5. Hình thức, phương thức tổ chức đào tạo thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp. Khuyến khích tổ chức đào tạo lưu động, đào tạo tại doanh nghiệp, hợp tác xã, tại nơi sản xuất phù hợp với điều kiện và đặc điểm của người lao động ở khu vực nông thôn, người lao động là thanh niên; gắn đào tạo với giải quyết việc làm sau đào tạo.

6. Người học hoàn thành chương trình và đủ điều kiện theo quy định được cấp chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng chỉ đào tạo. Cơ sở đào tạo cập nhật kết quả đào tạo, cấp chứng chỉ vào cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục nghề nghiệp theo quy định.

Điều 6. Mức thu học phí thực tế và mức hỗ trợ đào tạo

1. Mức hỗ trợ đào tạo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 25 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP được xác định theo mức thu học phí thực tế của cơ sở đào tạo đối với khóa đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng mà người lao động tham gia.

2. Mức thu học phí thực tế là mức học phí do cơ sở đào tạo xác định và công khai theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp, theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ chi phí đào tạo. Cơ sở đào tạo công khai chi phí đào tạo, mức thu học phí đối với từng ngành, nghề và từng khóa học trước khi tuyển sinh; bảo đảm

minh bạch và có đầy đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định làm căn cứ thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ.

3. Mức hỗ trợ đào tạo cho một người lao động không vượt quá mức trần quy định tại điểm a khoản 1 Điều 25 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP. Trường hợp mức thu học phí thực tế thấp hơn hoặc bằng mức trần thì hỗ trợ theo mức thu học phí thực tế; trường hợp cao hơn mức trần thì hỗ trợ bằng mức trần, phần chênh lệch do người học hoặc nguồn kinh phí hợp pháp khác chi trả, trừ trường hợp Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ cao hơn theo khoản 2 Điều 25 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP.

Điều 7. Thời gian đào tạo và xác định hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền đi lại

1. Hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí trong thời gian đào tạo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 25 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP được tính theo số ngày thực học của người lao động theo kế hoạch, tiến độ đào tạo của khóa học do cơ sở đào tạo xây dựng; không tính các ngày nghỉ, nghỉ lễ theo quy định.

2. Số ngày được hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí không vượt quá số ngày theo thời gian thiết kế của chương trình đào tạo. Trường hợp thời gian tổ chức đào tạo kéo dài hơn thời gian thiết kế của chương trình thì thực hiện quy đổi theo thời gian thiết kế để xác định số ngày được hỗ trợ.

3. Hỗ trợ tiền đi lại thực hiện theo định mức và điều kiện về cự ly, địa bàn quy định tại điểm c khoản 1 Điều 25 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có); được xác định trên cơ sở nơi cư trú của người lao động và địa điểm tổ chức đào tạo.

Điều 8. Kinh phí thực hiện

Kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn, người lao động là thanh niên thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP, pháp luật về ngân sách nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 9. Chế độ báo cáo

1. Hằng năm, trước ngày 05 tháng 12, Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên) kết quả thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn, người lao động là thanh niên trên địa bàn theo Mẫu báo cáo kèm theo Thông tư này.

2. Hình thức, phương thức gửi báo cáo và các nội dung khác về chế độ báo cáo định kỳ thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước và Thông tư số 19/2020/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 6 năm

2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên giúp Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra chuyên ngành, giám sát và tổng hợp tình hình thực hiện Thông tư này; chủ trì xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tế và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

b) Tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện trên địa bàn; thực hiện chế độ báo cáo theo Điều 9 Thông tư này;

c) Phối hợp với cơ quan quân sự, công an cùng cấp và các cơ quan liên quan trong tổ chức thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề đối với các nhóm đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này.

3. Cơ sở đào tạo tổ chức đào tạo bảo đảm chất lượng theo chương trình đã được ban hành; công khai mức thu; lập, lưu trữ hồ sơ, chứng từ; phối hợp cung cấp thông tin phục vụ kiểm tra, giám sát và báo cáo.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Đối với người lao động là thanh niên tình nguyện đã hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội đã nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ đào tạo nghề trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ; kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, việc hỗ trợ đào tạo nghề đối với đối tượng này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 338/2025/NĐ-CP và Thông tư này.

3. Khóa đào tạo đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức đào tạo trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện cho đến khi kết thúc khóa học theo phương án đã được phê duyệt.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, người đứng đầu các cơ sở đào tạo và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên) để được hướng dẫn, xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VH&XH của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức THPL (Bộ Tư pháp);
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng Bộ GDĐT;
- Công đoàn Giáo dục Việt Nam;
- Công báo; Cổng PLQG; CSDLQG về VBQPPL;
- Cổng TTĐT Chính phủ; Cổng TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, PC, NGCBQLGD.

BỘ TRƯỞNG

Hoàng Minh Sơn

Mẫu báo cáo

(Kèm theo Thông tư số .../2026/TT-BGDĐT ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ trưởng
Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TÊN CƠ QUAN BÁO CÁO **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../BC-... .., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn,
người lao động là thanh niên**

Kính gửi:

Thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số .../2026/TT-BGDĐT hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề theo Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ, Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh/thành phố báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị báo cáo	
Kỳ báo cáo	Từ ngày 1/1/20....đến ngày .../12/20....
Căn cứ pháp lý	- Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ; - Thông tư số .../20.../TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN (SỐ LIỆU TỔNG HỢP TOÀN TỈNH)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu trong kỳ
1	Tổng số người đăng ký học nghề theo chính sách	Người	
2	Tổng số người được xét duyệt hỗ trợ đào tạo nghề	Người	
2.1	Trong đó: Lao động ở khu vực nông thôn	Người	
2.2	Trong đó: Lao động là thanh niên	Người	
3	Số người đang theo học (chưa hoàn thành khóa học)	Người	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu trong kỳ
4	Số người đã hoàn thành khóa học trong kỳ	Người	
5	Số người có việc làm sau đào tạo	Người	
6	Tổng kinh phí đã hỗ trợ	Triệu đồng	
6.1	<i>Trong đó: Hỗ trợ đào tạo</i>	<i>Triệu đồng</i>	
6.2	<i>Trong đó: Hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí</i>	<i>Triệu đồng</i>	
7	Số người lao động ở khu vực nông thôn đã được hỗ trợ đào tạo nghề nhưng bị mất việc làm	Người	

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được:

.....

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

.....

3. Kiến nghị, đề xuất:

.....

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn, người lao động là thanh niên của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh, thành phố gửi Cục Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)